

Ngày 10/07/2026



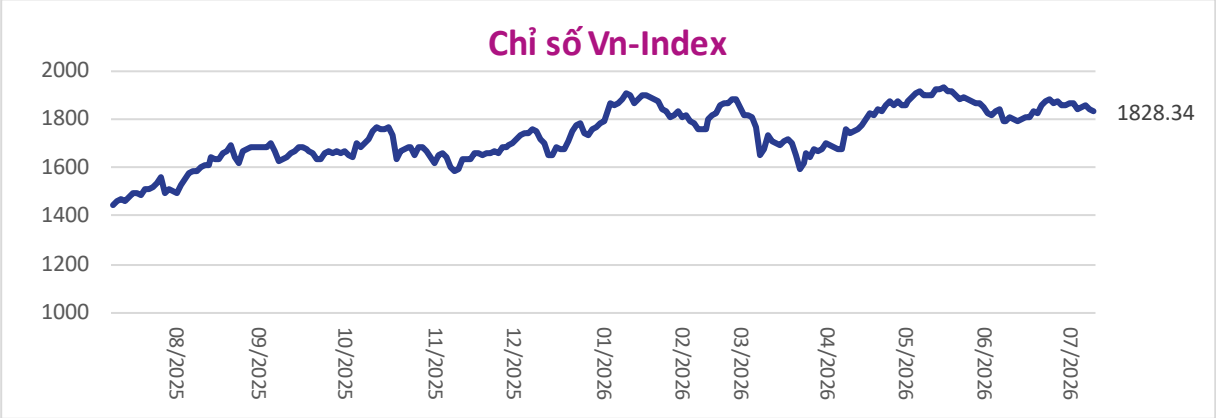
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY



Tổng quan thị trường

1828.34 -12.36 -0.67%

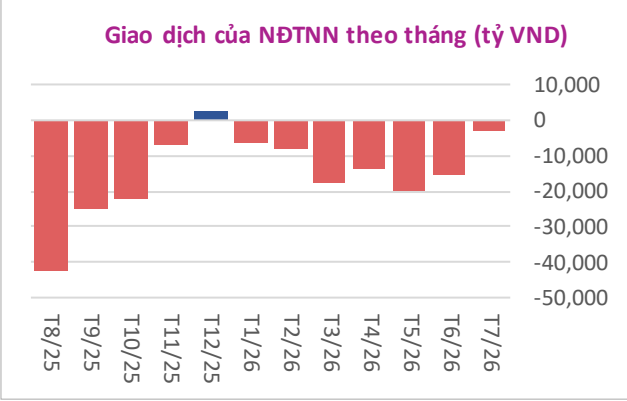
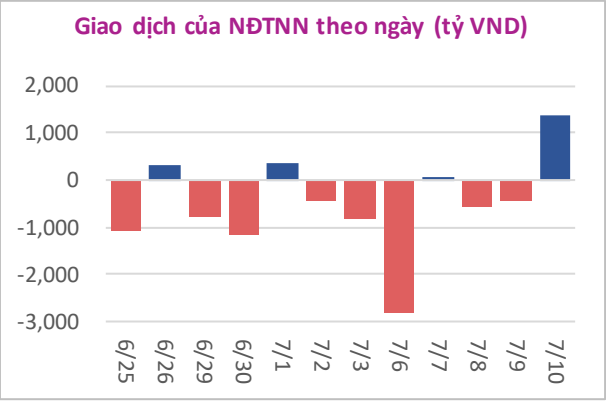


Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/07/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1828,34 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -12,36 điểm, và đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường cao hơn so với phiên giao dịch trước, tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VNM(+1,6%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VHM(-1,1%), FPT(-2,1%), CTG(-1,0%), TCB(-2,3%), HPG(-1,1%), GAS(-2,3%), VPB(-2,0%), GVR(-2,9%).

Trong tháng 6/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -15.168 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng 7/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -3.252 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -83.927 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 10/07, khối ngoại đã chuyển sang mua ròng 1.387 tỷ đồng.

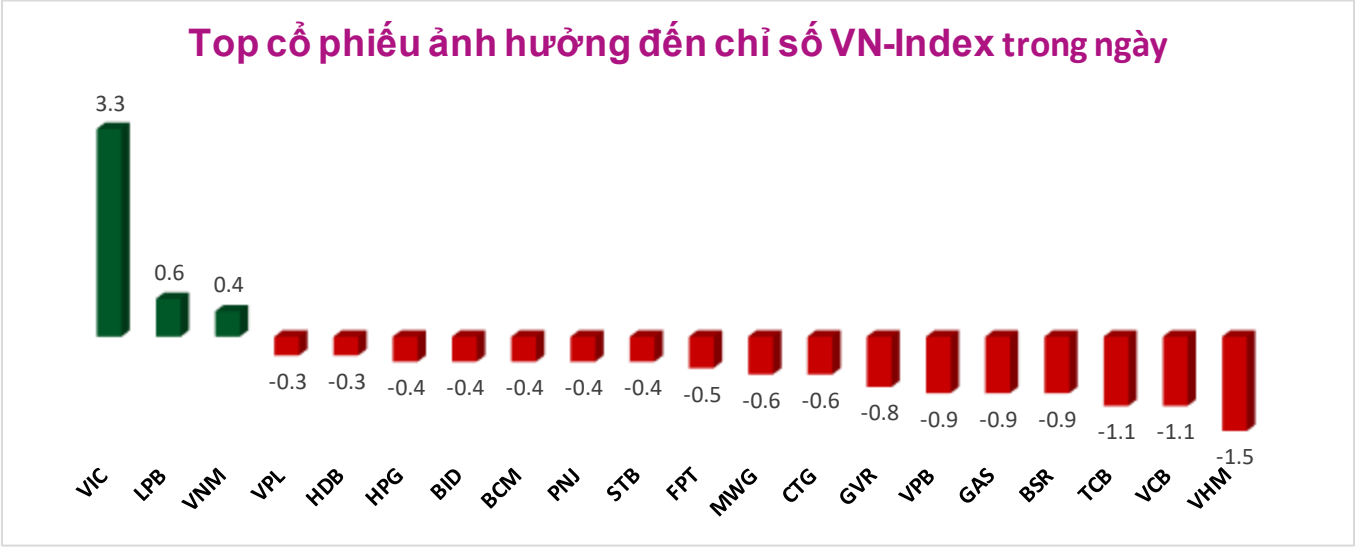
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã hút -3.276 tỷ đồng. Như vậy, NHNN đã thực hiện chính sách hút ròng liên tục trong những phiên giao dịch thị trường mở gần đây, cho thấy chính sách điều tiết đang có dấu hiệu thận trọng hơn.

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



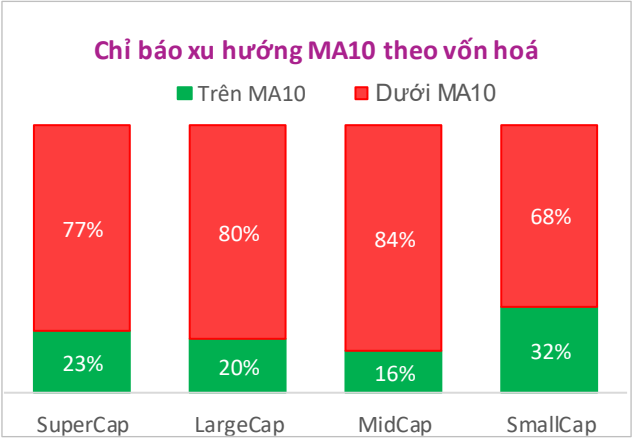
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Nhóm dẫn dắt thị trường

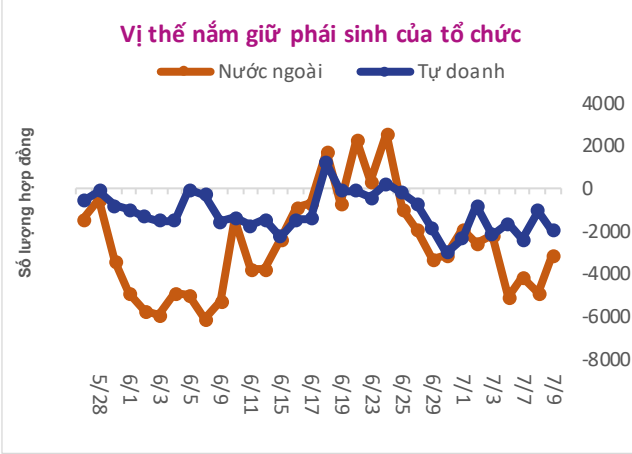
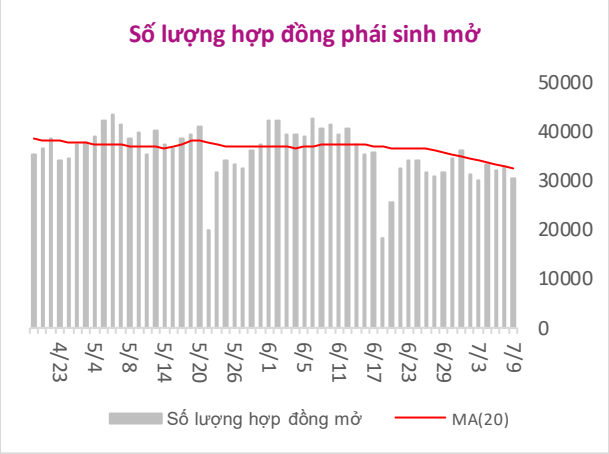


Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↓	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓



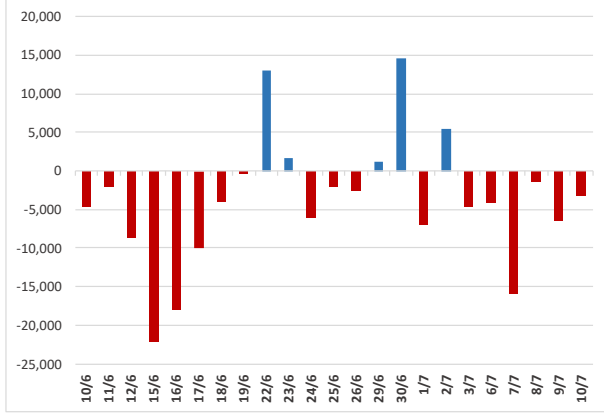
Thị trường phái sinh VN30



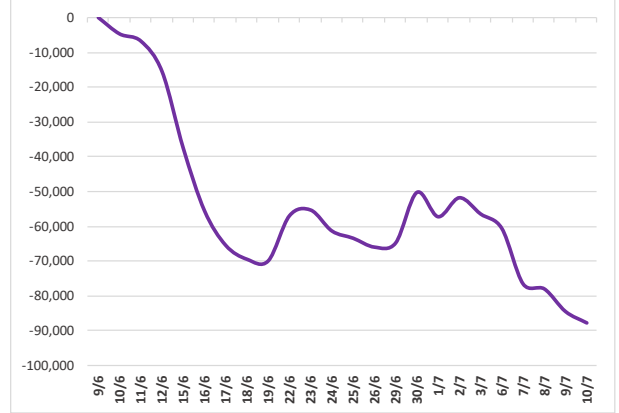
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)

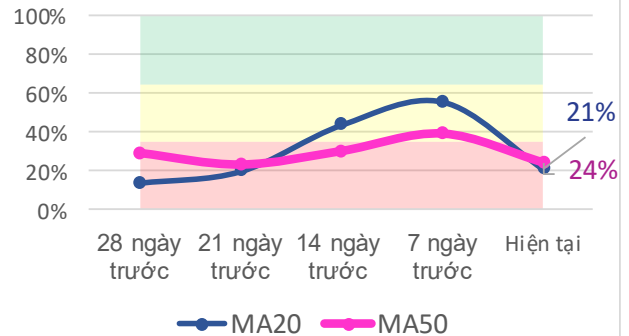


Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

VIC (+4.4)	LPB (+1.5)	BSR (+0.9)	VNM (+0.8)	CTG (-0.7)
MWG (-0.7)	VIX (-0.8)	STB (-0.8)	MSN (-0.9)	VRE (-0.9)
GEE (-1.1)	GEX (-1.1)	VPL (-1.3)	PNJ (-1.3)	GVR (-1.6)
TCB (-1.8)	BID (-1.9)	VPB (-1.9)	VCB (-2.7)	VHM (-4.0)

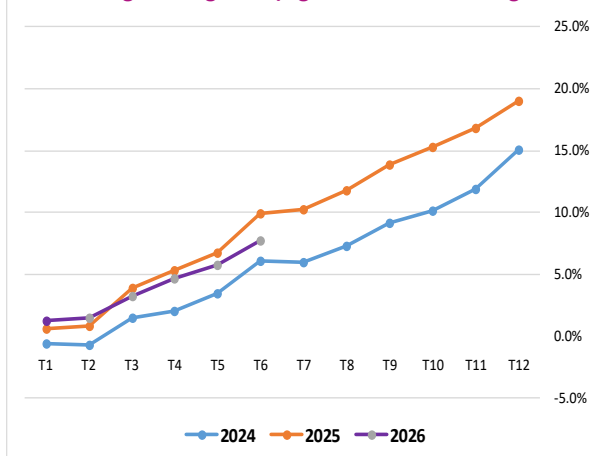
Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

VN100 - Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

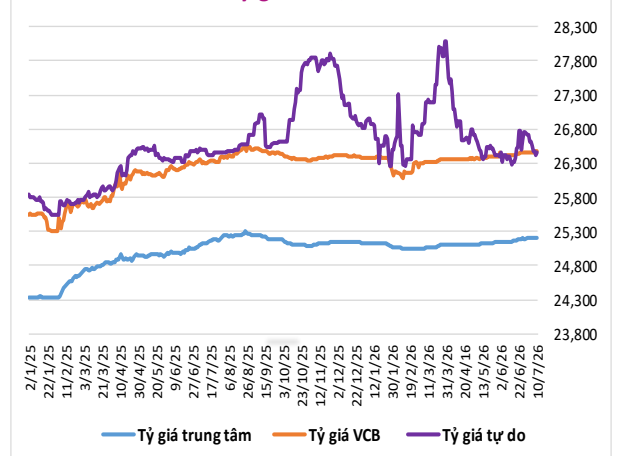


Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



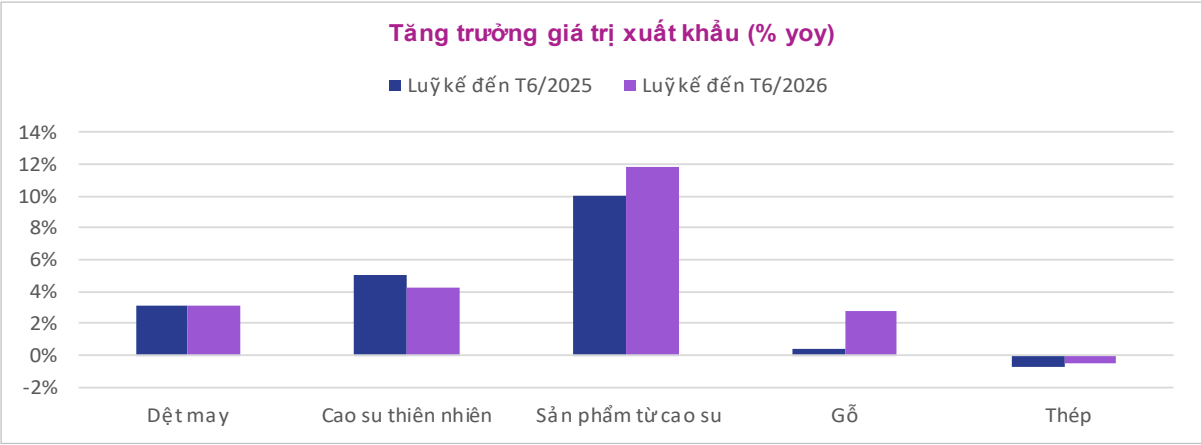
Tỷ giá USD/VND



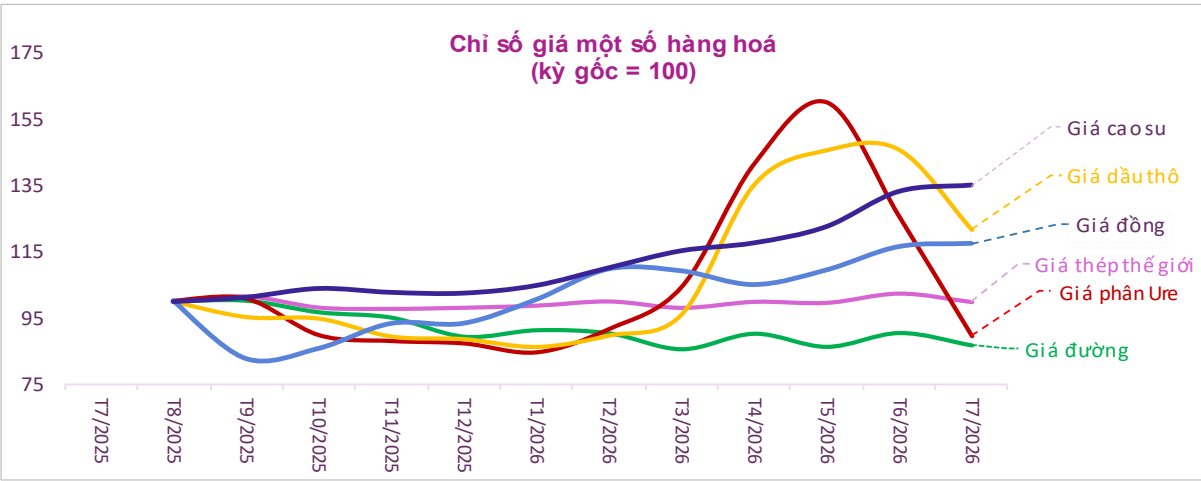
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	04/2026	05/2026	06/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	50.5	52.8	51.8	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, nhưng có phần giảm nhẹ so với tháng trước
Sản xuất công nghiệp (YoY)	9.3%	10.1%	12.7%	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	12.1%	11.8%	14.8%	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 6/2026 đạt mức cao nhất kể từ 1/2023
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	22.8%	18.0%	28.1%	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao; tháng 6 đạt mức tăng cao nhất trong 5 tháng gần nhất
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	35.7%	33.8%	45.7%	Duy trì tăng trưởng cao; tăng trưởng mạnh trong tháng 6 và là nhập siêu tháng thứ 7 liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	5.5%	5.6%	4.7%	Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng có phần hạ nhiệt so với 2 tháng trước đó
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.0%	0.1%	0.27%	Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá

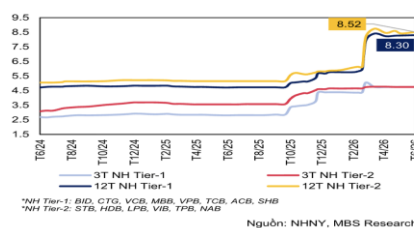


ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Chịu áp lực từ nhiều phía, lãi suất huy động neo cao và khó giảm mạnh trong nửa cuối 2026: Mặt bằng lãi suất huy động được dự báo sẽ tiếp tục neo ở mức cao và khó giảm mạnh trong nửa cuối năm 2026. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ áp lực thanh khoản khi tăng trưởng tín dụng phục hồi nhanh chóng và nói rộng khoảng cách so với tăng trưởng huy động vốn (tính đến hết tháng 6, tín dụng tăng 6,77% trong khi huy động chỉ tăng khoảng 4,7%). Điều này buộc các ngân hàng phải tăng lãi suất đầu vào để thu hút dòng tiền và bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn. Bên cạnh đó, áp lực tỷ giá USD/VND cùng xu hướng lạm phát gia tăng cũng là những rào cản lớn khiến lãi suất huy động khó có thể quay đầu giảm sâu. (Nguồn: vietnambiz.vn, NHNY, MBS Research)

Hình 4: Lãi suất huy động của các nhóm ngân hàng (%)



TIN QUỐC TẾ

Trung Quốc 'bắt đáy' 15 tấn vàng trong tháng 6: Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) đã tận dụng đợt giảm sâu của giá vàng để mua thêm 15 tấn trong tháng 6. Đây là mức mua hàng tháng lớn nhất của PBOC kể từ tháng 10/2023, đồng thời đánh dấu tháng thứ 20 liên tiếp quốc gia này gia tăng tích lũy, nâng tổng lượng mua từ đầu năm 2026 vượt mốc 40 tấn. Động thái "bắt đáy" mạnh mẽ này trái ngược với xu hướng bán ra của các nhà đầu tư tổ chức quốc tế. Nguyên nhân thúc đẩy lực mua tích cực từ Trung Quốc một phần do đồng Nhân dân tệ tăng giá so với đồng USD, khiến giá vàng tính theo nội tệ giảm sâu khoảng 10%, trở nên vô cùng hấp dẫn và góp phần củng cố vững chắc cho vùng hỗ trợ giá vàng toàn cầu. (Nguồn: vietnambiz.vn)

Biên bản Fed hé lộ một số quan chức từng cân nhắc tăng lãi suất ngay tháng 6: Biên bản cuộc họp tháng 6/2026 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) đã nhất trí giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5% - 3,75%. Tuy nhiên, một số quan chức nhận thấy đã có cơ sở để tăng lãi suất ngay tại thời điểm đó do lo ngại lạm phát vẫn ở mức cao. Biểu đồ dự báo cho thấy 9 quan chức dự kiến Fed sẽ thắt chặt chính sách ít nhất một lần trong năm nay, trong đó 6 người dự đoán có hai đợt tăng. Lo ngại này sớm được chứng minh khi chỉ số lạm phát PCEPI tháng 5 công bố sau đó đã tăng mạnh 4,1% do giá năng lượng leo thang từ xung đột tại Iran. (Nguồn: vietnambiz.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Mỹ ghi nhận sự phân hóa rõ rệt giữa các chỉ số chính trong phiên giao dịch. Áp lực bán tập trung mạnh ở nhóm blue-chip khiến chỉ số Dow Jones sụt giảm sâu nhất, mất 576,76 điểm (tương đương 1,09%) và lùi về mức 52.487,41 điểm. Chỉ số S&P 500 cũng khép lại phiên trong sắc đỏ khi giảm nhẹ 21,14 điểm (tương ứng 0,28%), dừng chân ở mốc 7.543,64 điểm. Trái ngược với xu hướng giảm điểm trên, dòng tiền nâng đỡ nhóm cổ phiếu công nghệ đã giúp chỉ số Nasdaq lội ngược dòng thành công. Chỉ số này tăng nhẹ 79,55 điểm (tương đương 0,27%), đạt mức 26.206,89 điểm. Nhìn chung, tâm lý thận trọng đang bao trùm phần lớn thị trường Mỹ, ngoại trừ nhóm ngành công nghệ vẫn giữ được sắc xanh ổn định. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Giá dầu phiên giao dịch ngày 10/7/2026 ghi nhận giá xăng dầu đồng loạt giảm ở cả thị trường quốc tế lẫn trong nước. Giá dầu thế giới quay đầu giảm hơn 2% với dầu Brent lùi về mức 76,3 USD/thùng và dầu WTI xuống còn 72,08 USD/thùng, do lo ngại lạm phát cùng triển vọng kinh tế kém tích cực làm giảm nhu cầu tiêu thụ toàn cầu, bất chấp căng thẳng nguồn cung tại Trung Đông. Tại thị trường trong nước, liên Bộ cũng điều chỉnh giảm giá kể từ chiều 9/7. Cụ thể, xăng E5 giảm còn 19.191 đồng/lít, xăng E10 RON95-III giảm về sát mốc 20.003 đồng/lít, trong khi dầu diesel và dầu mazut lần lượt giảm xuống mức 21.745 đồng/lít và 13.735 đồng/kg. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Giá vàng ngày 10/7/2026 ghi nhận đà bật tăng mạnh mẽ sau chuỗi phiên sụt giảm trước đó. Trên thị trường thế giới, giá vàng giao ngay phục hồi mạnh, tăng vọt lên mức 4.121 - 4.124 USD/ounce. Sự đảo chiều của thế giới lập tức thúc đẩy thị trường trong nước tăng mạnh từ 500.000 đến 900.000 đồng/lượng. Hiện tại, giá vàng miếng SJC được các thương hiệu lớn như SJC, DOJI, PNJ niêm yết phổ biến ở mức 146,0 - 146,9 triệu đồng/lượng (mua vào) và áp sát mốc 149,0 - 149,9 triệu đồng/lượng (bán ra). Tương tự, giá vàng nhẫn trơn 9999 cũng tăng cao và giao dịch quanh ngưỡng 145,0 triệu đồng/lượng chiều mua vào, 148,5 triệu đồng/lượng chiều bán ra. (Nguồn: VIX tổng hợp)

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/- (%)
Dow Jones	52487.41	-576.76	-1.09
S&P 500	7543.64	-21.14	-0.28
Nasdaq	26206.89	79.55	0.27
FTSE100	10472.45	-176.84	-1.66
Euro Stoxx 50	6282.36	-113.00	-1.79
DAX	25118.27	-567.80	-2.23
Nikkei 225	69072.00	2252.95	3.37
Shanghai	4036.59	65.71	1.65
KOSPI	7291.91	45.12	0.62

TIN TRONG NƯỚC

Hạ tầng Việt Nam 2026–2030: Ba điểm nhấn chiến lược và cuộc đua hút 30 triệu tỉ đồng vốn tư nhân: Giai đoạn 2026–2030, Việt Nam dự kiến cần đầu tư tổng cộng khoảng 38,5 triệu tỉ đồng vào hệ thống cơ sở hạ tầng, bao gồm mạng lưới đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, metro, năng lượng sạch, cảng biển và hàng không để làm bệ phóng phát triển kinh tế. Điểm nhấn chiến lược tập trung vào ba lĩnh vực cốt lõi nhằm tạo bước đột phá và tăng cường liên kết vùng toàn diện. Để hiện thực hóa mục tiêu khổng lồ này trong bối cảnh ngân sách công có hạn, Việt Nam đang bước vào một cuộc đua quyết liệt nhằm thu hút khoảng 30 triệu tỉ đồng nguồn vốn đầu tư từ khối tư nhân thông qua các mô hình hợp tác công tư (PPP) và chính sách thông thoáng. (Nguồn: bbw.vn)

Lãi suất tiền gửi lên tới 9%: Cuộc cạnh tranh huy động vốn đang nóng trở lại: Cuộc cạnh tranh huy động vốn tại các ngân hàng đang nóng trở lại khi lãi suất tiền gửi được đẩy lên mức cao nhất tới 9%/năm. Mức lãi suất đỉnh này thường được áp dụng cho các kỳ hạn dài hoặc kèm theo điều kiện khắt khe về số tiền gửi tối thiểu lớn. Nguyên nhân khiến các nhà băng ồ ạt tăng lãi suất đầu vào là do áp lực tăng trưởng tín dụng tăng mạnh trong giai đoạn cuối năm, trong khi tốc độ dòng tiền gửi chảy vào hệ thống có phần chậm lại. Cuộc đua này giúp người gửi tiền hưởng lợi lớn, nhưng đồng thời cũng gây áp lực lên chi phí vốn của hệ thống ngân hàng và làm dấy lên lo ngại về việc lãi suất cho vay khó giảm. (Nguồn: stockbiz.vn)

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (10/7/26)		
			% LNST	% LNST	Biên lợi	Biên lợi	ROE Chỉ số	ROA Chỉ số	Book Value	EPS		P/B	P/E
			Q3/25 (YoY)	Q4/25 (YoY)	nhuận ròng Q3/25	nhuận ròng Q4/25	(TTM) Năm: 2025 (TTM)	(TTM) Năm: 2025 (TTM)					
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.23	7.4	22,550
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.48	5.2	19,600
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.89	8.0	56,000
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.66	9.4	41,000
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.16	9.7	146,100
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.11	24.6	25,500
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.76	9.1	68,800
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.46	7.5	33,700
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.09	14.1	74,000
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.61	8.9	32,800
11	DGC	Hóa chất	9.0%	-16.3%	28.6%	24.0%	20.8%	17.1%	40,566	8,397	1.14	5.5	46,200
12	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.45	15.4	38,500
13	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.58	7.0	51,000
14	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.64	15.0	70,600
15	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.75	10.7	70,600
16	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.68	15.7	75,200
17	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.84	5.8	13,200
18	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.16	14.59	75,300
19	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.31	8.31	14,650
20	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.83	7.35	18,900
21	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.44	7.84	10,700
22	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.34	11.35	22,950
23	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.98	18.25	13,100
24	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	1.01	12.10	28,600
25	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	1.08	13.95	20,300
26	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.63	11.48	8,300
27	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	7.78	21.47	136,000
28	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.86	15.67	28,500
29	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.63	5.35	31,900
30	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.32	15.47	68,800
31	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	3.28	3535.28	36,300
32	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.39	15.91	76,600
33	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.24	22.79	48,750
34	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.82	12.82	25,000
35	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.29	5.55	21,800
36	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	1.98	8.44	49,000
37	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.58	15.62	36,000
38	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	1.06	13.83	14,100
39	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.14	9.73	36,200
40	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.67	9.27	48,500
41	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.53	24.59	21,300
42	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.89	5.05	13,150
43	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.05	7.87	49,600
44	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.21	22.25	70,100
45	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.28	8.85	32,400
46	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.92	8.29	20,050
47	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.18	9.40	81,500
48	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.22	14.36	60,500
49	VGT	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.57	4.31	11,500
50	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.29	8.89	57,500
51	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	3.29	38.45	138,000
52	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.43	12.57	56,600
53	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.22	9.04	27,750
54	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	4.39	19.06	63,800

Tín hiệu kỹ thuật

Mã	Thời gian	Mẫu nến	Giá cổ phiếu
DHC	10/7/2026 3:00 PM	Break Down	32.05
ANV	10/7/2026 3:00 PM	Bearish Engulfing	19.6

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.